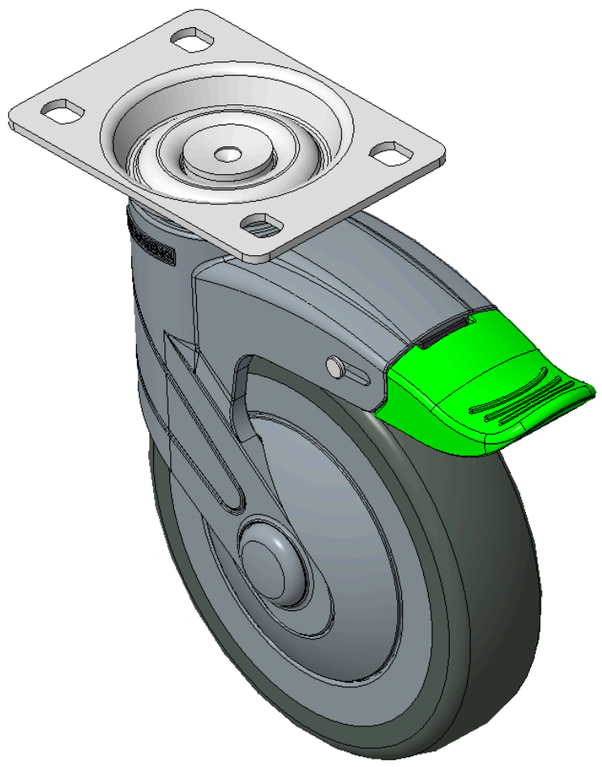
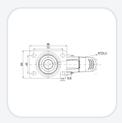


Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc





1155 Series — BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT

# (màu xanh xám)Đường kính bánh xe đầy đủ × chiều rộng bánh xe 125 x 31mm

KS-11550500454233H Sao chép mã

| Đường kính bánh xe | Tải trọng (động) | Tổng chiều cao | vòng bi bánh xe |
|---|---|---|---|
| **125mm** | **100kgs** | **165.5mm** | **Bánh xe trang bị vòng bi bi** |

- Bánh xe xoay 90 độ, siêu dài, có phanh kép, đế đục lỗ 75×45mm
- Chân bằng polyamide màu xanh xám, đế mạ kẽm, thiết bị lắp đặt đế
- Lõi bánh xe bằng polypropylene chịu va đập, bề mặt bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)
- Màu xám đậm, ổ bi bánh xe—ổ bi cầu chính xác.
- Mặt lốp: Cao su đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)
- Lõi bánh xe: Được làm từ polypropylene chất lượng cao, chịu va đập tốt.

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

Tải xuống | Yêu cầu bản vẽ 3D

Bản vẽ 3D chỉ dành cho thành viên, vui lòng đăng nhập để tải.

## Bảng dữ liệu sản phẩm

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đường kính bánh xe | **125mm** | Chiều rộng bánh xe | **31mm** |
| vòng bi bánh xe | **Bánh xe trang bị vòng bi bi** | Quy cách tấm lắp | **96 x 69mm** |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền | **75 x 45mm** | Khoảng cách các lỗ lắp | **11 x 8.6mm** |
| Độ lệch tâm | **38mm** | Sự can thiệp quay | **220mm** |
| Tổng chiều cao | **165.5mm** | Bán kính xoay | **110mm** |
| Độ cứng | **72±5° Shore A** | Tải trọng (động) | **100kgs** |
| Tải trọng (tĩnh) | **135kgs** | Nhiệt độ | **-20°C to +60°C** |
| Càng bánh xe | **Khóa đôi** | Thép không gỉ | **N/A** |
| Dẫn điện | **N/A** | Chống tĩnh điện | **N/A** |
| Trọng lượng bánh xe đẩy | **0.63kgs** | Tiêu chuẩn kiểm nghiệm | **ISO22881** |

* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

## Chỉ số hiệu năng

**Độ di chuyển mượt mà**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

**Độ êm khi vận hành**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

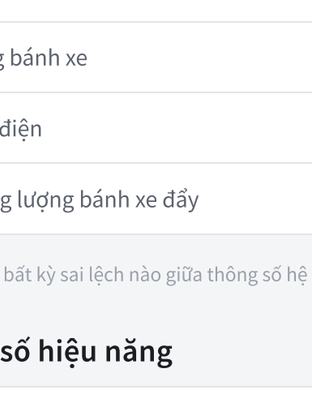
**Bảo vệ mặt sàn**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

## Tệp tải xuống

PDF **1155-VN-KS2026111208.pdf**
Tải xuống

3D **1155-CN-KS2026111208-d261112153454.rar**
Bản vẽ 3D chỉ dành cho thành viên, vui lòng đăng nhập để tải.

## Sản phẩm liên quan



1155 Series — BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT
**(màu xanh xám)Đường kính bánh xe đầy đủ × chiều rộng bánh xe 125 ⋯**
KS-11550500454053

| đường kính bánh xe | tải trọng động | chiều cao tổng thể |
|---|---|---|
| 125 mm | 100 kg | 165.5 mm |

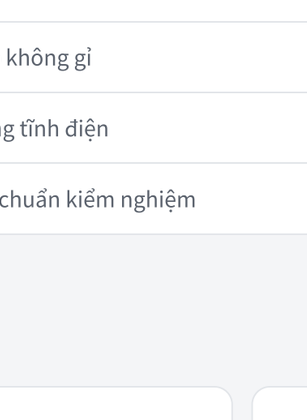
Xem thông số →



1155 Series — BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT
**(màu xanh xám)Đường kính bánh xe đầy đủ × chiều rộng bánh xe 125 ⋯**
KS-11550500454243

| đường kính bánh xe | tải trọng động | chiều cao tổng thể |
|---|---|---|
| 125 mm | 100 kg | 165.5 mm |

Xem thông số →



1155 Series — BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT
**(màu xanh xám)Đường kính bánh xe đầy đủ × chiều rộng bánh xe 125 ⋯**
KS-11550500451033

| đường kính bánh xe | tải trọng động | chiều cao tổng thể |
|---|---|---|
| 125 mm | 100 kg | 165.5 mm |

Xem thông số →



1155 Series — BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT
**(màu xanh xám)Đường kính bánh xe đầy đủ × chiều rộng bánh xe 125 ⋯**
KS-11550500454093

| đường kính bánh xe | tải trọng động | chiều cao tổng thể |
|---|---|---|
| 125 mm | 90 kg | 165.5 mm |

Xem thông số →